TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐOAN HÙNG** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 6 - 2022
V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG -TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Khanh**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Trí Dũng**
Ông **Nguyễn Đức Cường**
Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Minh Thắng** - Thư ký TAND huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tham gia phiên tòa: Bà **Vũ Kim Duyên -** Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 31/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022 về việc "Tranh chấp hôn nhân gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXX-ST ngày 03 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị T, sinh năm 1980.
Địa chỉ: Khu 4, xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.
(Có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: Anh **Đỗ Ngọc P**, sinh năm 1980.
Địa chỉ: Khu 4, xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.
(Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn Chị Vũ Thị T trình bày: Chị và anh Đỗ Ngọc P kết hôn ngày 28/2/2005. Đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tìm hiểu tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng với bố mẹ của anh P tại Khu 4, xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ, sau đó một thời gian thì dọn ra ở riêng ở gần nhà bố mẹ anh P. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ

chồng sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị ở huyện Cẩm Khê. Vợ chồng đã sống ly thân từ đó. Nay xét thấy tình cảm không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh P.

- Về con chung: Chị và anh P có 01 con chung là Đỗ Ngọc K, sinh ngày 07/11/2005. Hiện tại cháu K đang ở cùng anh P và ông bà nội. Chị đã nhiều lần về đón con nhưng anh P không đồng ý, gây khó khăn không cho chị gặp con, hơn nữa nguyện vọng của cháu K muốn được ở với bố và anh P cũng đồng ý. Do vậy khi ly hôn chị đồng ý để anh P tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu K. Chị không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì anh P không yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Đỗ Ngọc P trình bày: Anh và Chị Vũ Thị T kết hôn ngày 28/2/2005. Đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tìm hiểu tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng với bố mẹ đẻ của anh tại Khu 4, xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ, sau đó một thời gian thì dọn ra ở riêng gần nhà bố mẹ anh. Trong cuộc sống chung vợ chồng anh có chục chặc mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau nên chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị ở huyện Cẩm Khê. Vợ chồng đã sống ly thân nhau. Nay xét thấy tình cảm không còn, chị T xin ly hôn, anh cũng đồng ý ly hôn. Do công việc bận nên anh đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt anh.

- Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung là Đỗ Ngọc K, sinh ngày 07/11/2005. Hiện cháu K đang ở cùng anh và ông bà nội. Nguyện vọng của cháu K muốn được ở với anh và anh cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu K sau khi vợ chồng ly hôn. Nếu được nuôi dưỡng cháu K anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Qúa trình giải quyết vụ án các bên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

3. Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật không có vi phạm gì và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1, Điều 28, điểm a, khoản 1, Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56, điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí 2015; Điểm a, khoản 5 điều 27 nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về thu, nộp và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

+ Xử cho Chị Vũ Thị T được ly hôn anh Đỗ Ngọc P.

+ Về con chung: Giao con chung là cháu Đỗ Ngọc K, sinh ngày 07/11/2005 cho anh Đỗ Ngọc P tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Vũ Thị T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì anh P tự nguyện không yêu cầu.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

+ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Vũ Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ trong vụ án này là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn là Chị Vũ Thị T và bị đơn là anh Đỗ Ngọc P đều có nơi cư trú tại Khu 4, xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ vào khoản 1, Điều 28, điểm a, khoản 1, Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Anh Đỗ Ngọc P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Đỗ Ngọc P.

[2]. Về nội dung vụ án: Xét thấy cuộc hôn nhân giữa Chị Vũ Thị T và anh Đỗ Ngọc P là hôn nhân hợp pháp, hai bên kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Có đăng ký kết hôn ngày 28/2/2005 tại UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng với bố mẹ của anh P tại khu 4, xã Minh Tiến, huyện Đoan Hùng, sau đó một thời gian thì dọn ra ở riêng ở gần nhà bố mẹ anh P. Theo chị T vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau nên chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở huyện Cẩm Khê. Vợ chồng đã sống ly thân từ đó. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị T xin ly hôn anh P. Theo anh P trong cuộc sống chung vợ chồng có xảy ra chục chặc mâu thuẫn nên chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở huyện Cẩm Khê, vợ chồng đã sống ly thân, nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị T làm đơn xin ly hôn, anh cũng đồng ý ly hôn. Do công việc bận nên anh đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt anh. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị T và anh P là mâu thuẫn rất trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần xử cho chị T được ly hôn anh P là phù hợp với điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T và anh P có 01 con chung là Đỗ Ngọc K, sinh ngày 07/11/2005. Hiện cháu K đang ở cùng anh P và ông bà nội. Khi ly hôn nguyện vọng của anh P và gia đình anh P mong muốn được nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng. Chị T cũng đồng ý để anh P nuôi con, chị không phải cấp dưỡng vì anh P tự nguyện không yêu cầu. Nguyện vọng của cháu K cũng xin được ở với bố khi bố mẹ ly hôn. Xét thấy việc tự nguyện thỏa thuận của chị T và anh P về việc nuôi con chung và cấp dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp nên cần chấp nhận. Do vậy cần giao con chung là cháu Đỗ Ngọc K, sinh ngày 07/11/2005 cho anh Đỗ Ngọc P tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Vũ Thị T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì anh P tự nguyện không yêu cầu. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh P không đề nghị Toà án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, chị T phải chịu theo quy định pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp cần chấp nhận.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 28, điểm a, khoản 1, Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56, điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí 2015; Điểm a, khoản 5 điều 27 nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về thu, nộp và sử dụng, án phí, lệ phí toà án.

1. Xử: Cho Chị Vũ Thị T được ly hôn anh Đỗ Ngọc P.

2. Về con chung: Giao con chung là Đỗ Ngọc K, sinh ngày 07/11/2005 cho anh Đỗ Ngọc P tiếp tục nuôi dưỡng. Chị T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì anh P tự nguyện không yêu cầu. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đề nghị giải quyết.

4. Về án: Chị Vũ Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0004084 ngày 04/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự (có mặt) tại phiên toà biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn (vắng mặt) tại phiên toà biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết bản án, để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND huyện Đoan Hùng
- Chi cục THADS huyện Đoan Hùng
- Lưu HS + VP

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Khanh